

Số: 13 /NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 ngày 6 tháng 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu
tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu,
Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành
án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
Trên cơ sở Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đợt 2);
Xét Tờ trình số 77/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung
hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số
454/BC-BKTNS ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội
đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ
họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cho các dự án từ nguồn vốn chưa phân bổ như sau:

1. Nguồn vốn ngân sách tập trung do Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch là 60,04 tỷ đồng, trong đó: phân bổ chi tiết cho các dự án là 60,04 tỷ đồng.

2. Nguồn vốn xổ số kiến thiết do Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch là 53,553 tỷ đồng, trong đó:

a) Phân bổ chi tiết cho các dự án là 3,8 tỷ đồng.

b) Phần còn lại chưa phân bổ 49,753 tỷ đồng.

3. Nguồn khai thác đấu giá đất là 11.095,359 tỷ đồng, trong đó:

a) Phân bổ chi tiết cho các dự án là 3.594,86 tỷ đồng.

b) Phần còn lại chưa phân bổ 7.500,499 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục I và II đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 14 tháng 7 năm 2023. / *phuo2*

Nơi nhận: *lq*

- Ủy ban Thương vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Thái Bảo



Phụ lục I

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN DỰ PHÒNG CHƯA PHÂN BỐ THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ NGUỒN ĐÁU GIÁ ĐẤT GIAO BỔ SUNG

(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2021-2025 (NQ 40)		Nội dung giao bổ sung	Kế hoạch 2021-2025 sau bổ sung		Chủ đầu tư
					NSTT	Đất		NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	DỰ PHÒNG CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT				60.040	11.095.359		60.040	11.095.359	-
I	Dự kiến phân bổ cho cấp nước sạch khi đủ hồ sơ				-	300.000			300.000	-
II	Dự kiến phân bổ cho nông nghiệp khi đủ hồ sơ				-	600.000			600.000	-
III	Dự kiến phân bổ cho Quốc phòng khi đủ hồ sơ				-	298.300			298.300	-
IV	Dự kiến phân bổ cho khoa học công nghệ khi đủ hồ sơ				-	1.300.000			1.300.000	-
V	Dự kiến phân bổ cho môi trường khi đủ hồ sơ				-	670.000			670.000	-
VI	Dự kiến phân bổ cho ngành giáo dục khi đủ hồ sơ				-	186.000			186.000	-
VII	Dự kiến phân bổ cho y tế khi đủ hồ sơ				-	300.000			300.000	-
VII.1	Kiến nghị phân bổ chi tiết								79.220	-
	Y tế									
	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025									
1	Bổ sung trang thiết bị Trạm Y tế xã Xuân Đông huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	4.050			3.490		3.490	UBND huyện Cẩm Mỹ
2	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Bắc huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	10.730			9.420		9.420	UBND huyện Xuân Lộc
3	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Định huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	13.050			11.470		11.470	UBND huyện Xuân Lộc
4	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Hiệp huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	12.440			10.930		10.930	UBND huyện Xuân Lộc
5	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Bảo Hòa huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	12.060			10.590		10.590	UBND huyện Xuân Lộc
6	Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Gia Ray huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	9.600			8.430		8.430	UBND huyện Xuân Lộc
7	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế phường Hòa Bình thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	1.881			1.770		1.770	UBND thành phố Biên Hòa
8	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế phường Quang Vinh thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	2.984			2.820		2.820	UBND thành phố Biên Hòa
9	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế phường Tân Vạn thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	2.967			2.790		2.790	UBND thành phố Biên Hòa
10	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế phường Thanh Bình thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	2.435			2.290		2.290	UBND thành phố Biên Hòa
11	Xây dựng Trạm Y tế phường Long Hưng thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	6.116			5.790		5.790	UBND thành phố Biên Hòa
12	Xây dựng Trạm Y tế phường Bửu Long thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	4.853			4.590		4.590	UBND thành phố Biên Hòa

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2021-2025 (NQ 40)		Nội dung giao bổ sung	Kế hoạch 2021-2025 sau bổ sung		Chủ đầu tư
					NSTT	Đất		NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
13	Xây dựng Trạm Y tế phường Tân Hòa thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	5.115			4.840		4.840	UBND thành phố Biên Hòa
VII.2	Dự phòng chưa phân bổ								220.780	
VIII	Dự kiến phân bổ cho ngành văn hóa - xã hội khi đủ hồ sơ				-	700.000			700.000	-
VIII.1	Kiến nghị phân bổ chi tiết								6.600	
	Văn hóa - xã hội									
	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025									
1	Dự án Trưng tu, tôn tạo di tích đền thờ Quốc tổ Hùng Vương, xã Phú Sơn, huyện Tân Phú	TP	tối đa 3 năm	7.340			6.600		6.600	UBND huyện Tân Phú
VIII.2	Dự phòng chưa phân bổ								693.400	
IX	Dự kiến phân bổ cho công tác chuyển đổi số, đô thị thông minh ...khi đủ hồ sơ				-	1.000.000			1.000.000	-
IX.1	Kiến nghị phân bổ chi tiết								16.000	
	Công nghệ thông tin									
	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025									
1	Dự án Xây dựng phần mềm quản lý đầu tư công và kế hoạch lựa chọn nhà thầu	BH	tối đa 03 năm	17.446			16.000		16.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư
IX.2	Dự phòng chưa phân bổ								984.000	
X	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 còn lại cho các lĩnh vực còn lại khi đủ hồ sơ (kể cả các dự án còn thiếu nguồn so với kế hoạch trung hạn đã giao)				60.040	5.741.059		60.040	5.741.059	-
X.1	Kiến nghị phân bổ chi tiết							60.040	3.493.040	
	Giao thông									-
	Dự án chuyển tiếp									
1	Dự án Kè sông Vàm Mương - Long Tàu đoạn qua khu vực ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	NT	2019-2022	35.136			3.177	3.177		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án đầu tư Xây dựng cầu Thanh Sơn, huyện Định Quán (kể cả chi phí BTGPMB do UBND huyện Định Quán làm chủ đầu tư)	ĐQ	2020-2024	139.552						-
	Trong đó:									-
a)	Dự án đầu tư Xây dựng cầu Thanh Sơn, huyện Định Quán do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện						4.580	4.580		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
3	Đường Xuân Mỹ đi Bảo Bình	CM	tối đa 3 năm	101.830			3.908	3.908		UBND huyện Cẩm Mỹ
4	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 (kể cả bồi thường do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện)	BH	tối đa 5 năm	783.000						-
	Trong đó:									-
a)	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện						7.262	7.262	-	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2021-2025 (NQ 40)		Nội dung giao bổ sung	Kế hoạch 2021-2025 sau bổ sung		Chủ đầu tư
					NSTT	Đất		NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
5	Xây dựng cầu Vàm Cái Sứt trên đường Hương lộ 2 nối dài	BH	tối đa 5 năm	494.600			15.028	-	15.028	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
6	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc)	XL-ĐQ	2019-2023	821.892						-
	Trong đó									-
a)	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km 0+000 đến Km 8+300 và Km 15+000 đến Km 24+000 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện						41.500		41.500	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025									-
1	Dự án Đường ven Sông Đồng Nai, huyện Định Quán (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) (NST 100% xây lắp)	ĐQ	Tối đa 3 năm	61.250			6.800	6.800		UBND huyện Định Quán
2	Dự án nâng cấp đường Quốc lộ 1 - Xuân Lập, thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) (NST 100% chi phí xây dựng)	LK	tối đa 3 năm	83.056			9.000		9.000	UBND thành phố Long Khánh
	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị-xã hội									-
	Dự án chuyển tiếp									-
1	Trung tâm công tác xã hội tổng hợp Đồng Nai (vốn TW đã thông báo 45 tỷ)	BH	2019-2023	60.000	-	-	3.600	3.600		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
	Cấp nước, thoát nước									-
	Dự án chuyển tiếp									-
1	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan	BH	tối đa 4 năm	267.620						-
	Trong đó:									-
b)	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện						12.000	12.000		UBND thành phố Biên Hòa
2	Tuyển thoát nước từ Khu công nghiệp 1 ra rạch Bà Ký, huyện Nhơn Trạch	NT	đến 2022	33.302			1.513	1.513		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Dự án Cấp nước sạch cho 03 xã La Ngà, Phú Ngọc, Ngọc Định	ĐQ	tối đa 5 năm	65.062			1.200	1.200		UBND huyện Định Quán
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản									-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021									-
1	Hồ chứa nước Cà Ròn xã Gia Canh (kể cả chi phí BTGPMB)	ĐQ	2020-2023	454.601			9.000	9.000		UBND huyện Định Quán

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2021-2025 (NQ 40)		Nội dung giao bổ sung	Kế hoạch 2021-2025 sau bổ sung		Chủ đầu tư
					NSTT	Đất		NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa- dự án đối ứng theo cam kết với Jica khi triển khai dự án TNXLNT tp BH giai đoạn 1 từ vốn ODA	BH	2017-2021	373.172						-
	Trong đó:									-
a)	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa						7.000	7.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
	Môi trường									
	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025									
1	Kè gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát (kể cả chi phí CBĐT)	BH	đến 2024	109.175			27.512	-	27.512	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật									
	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025									
1	Dự án khu tái định cư tại thị trấn Dầu Giây huyện Thống Nhất	TN	tối đa 04 năm	564.052			300.000		300.000	Ban Quản lý dự án bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh
2	Hạ tầng Khu tái định cư 49,32ha phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 06 năm	2.847.170			2.000.000		2.000.000	Ban Quản lý dự án bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh
3	Khu tái định cư tại phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 04 năm	717.500			500.000		500.000	Ban Quản lý dự án bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh
	Quốc phòng									
	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025									
1	Dự án V1			536.700			500.000		500.000	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
	Các dự án chỉ được bố trí vốn thực hiện dự án khi khu đất lợi thế trên địa bàn thực hiện hoàn thành các công việc có liên quan đảm bảo cho việc tổ chức đấu giá đất									-
1	Dự án đường Quang Trung và đường Lê Đại Hành đầu nối ra đường ĐT.768 nối dài và đường ĐT.762, huyện Vĩnh Cửu (02 khu đất khoảng 33,6ha trên địa bàn huyện)	VC	tối đa 4 năm	315.025			100.000		100.000	UBND huyện Vĩnh Cửu
X.2	Dự phòng chưa phân bổ							0	2.248.019	

Phụ lục II

**BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN DỰ PHÒNG CHƯA PHÂN BỐ
THUỘC NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT GIAO BỔ SUNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	ĐĐXD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2021-2025 (NQ 40)		Nội dung giao bổ sung	Kế hoạch 2021-2025 sau bổ sung		Chủ đầu tư
					2021-2025	kết dư 2016-2020		2021-2025	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	DỰ PHÒNG CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT				53.553			53.553		-
I	Kiến nghị phân bổ chi tiết							3.800		
	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp									-
	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025									
1	Sửa chữa, cải tạo, di dời một số hạng mục của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai	BH	tối đa 3 năm	14.990			400	400		Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai
	Văn hóa - xã hội									-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021									
1	Làng Văn hoá Đồng bào Choro xã Bảo Vinh	LK	2018-2023	73.000			2.000	2.000		UBND thành phố Long Khánh
	Quốc phòng									
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021									
1	Dự án Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán	ĐQ	tối đa 5 năm	91.092			1.400	1.400		UBND huyện Định Quán
II	Dự phòng chưa phân bổ							49.753		